

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÊ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2019

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÊ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Việt

2. Ông Lê Quang Thạch

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quảng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lê Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 30/5/2019, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLS-HNGĐ ngày 18/4/2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mộng T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Lầu 4, 24 T S, phường 2, Quận T, thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức C, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Đội 2 thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 04/4/2019, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Hồ Thị Mộng T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Lê Đức C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2011 ngày 04/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh C tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì vào khoảng tháng 10/2015 anh C đi làm ăn nhưng sau đó không liên lạc về gia đình, chị T đã nhắn tìm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về anh C. Đến cuối năm 2018, chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố anh Lê Đức C mất tích. Hiện tại, anh

Lê Đức C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức C để chị ổn định cuộc sống mới.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Đức C: Ngày 26/02/2019, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Q đã tuyên bố anh Lê Đức C mất tích tại Quyết định số 01/2019/QĐDS-ST, vì vậy Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Đức C theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Mộng T và anh Lê Đức C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị đã có khoảng thời gian chung sống bên nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 10/2015, anh C đi làm ăn nhưng không liên lạc với gia đình, gia đình liên lạc và tìm kiếm anh C nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về anh C. Sau nhiều năm tìm kiếm anh C không có kết quả, đến cuối năm 2018, chị Hồ Thị Mộng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố anh Lê Đức C mất tích và được chấp nhận theo Quyết định số 01/2019/QĐDS-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Q về việc tuyên bố một người mất tích. Xét mục đích hôn nhân của chị T không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, Hội đồng xét xử nhất trí cho chị Hồ Thị Mộng T được ly hôn anh Lê Đức C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung, không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Mộng T được ly hôn anh Lê Đức C.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0005719 ngày 18 tháng 4 năm 2019. Chị T đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Hồ Thị Mộng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2019); anh Lê Đức C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã P,
- huyện T, tỉnh B;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn